TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAI
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/DS – ST
Ngày: 28/6/2023
V/v Tranh chấp QSD đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAI, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Kim Tuấn.

+ Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Nguyễn Thành Nhật.

2 – Ông Hà Văn Dẫn.

Thư ký phiên toà: Ông Trịnh Văn Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2023/TLST - DS ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST – DS ngày 08/6/2023, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông Hà Quốc NĐ, sinh năm 1964.
Địa chỉ: Xóm B1, xã A1, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. *(Có mặt)*

**** Bị đơn:*** Ông Trịnh Thanh BĐ, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Xóm B2, xã A1, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.
(Có mặt)

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1- Bà Lâm Thị LQ1, sinh năm 1965;
Ủy quyền cho ông Hà Quốc NĐ.
Địa chỉ: Xóm B1, xã A1, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. *(Có mặt)*

2- UBND xã A1, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.
Đại diện theo pháp luật ông Nông Đình CT – Chủ tịch UBND xã A1.
Ủy quyền cho ông Triệu Anh T1 – Công chức địa chính xã A1, huyện V. *(Có mặt)*

3- Ông Trịnh Bưu LQ3, sinh năm 1959;
Địa chỉ: Xóm B2, xã A1, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.
(Vắng mặt – có đề nghị không tham gia tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn và là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị LQ1 - ông Hà Quốc NĐ trình bày:***

Ông khởi kiện ông Trịnh Thanh BĐ – Địa chỉ: Xóm B2, xã A1, huyện V, Thái Nguyên, lý do Tranh chấp quyền sử dụng đất. Về nguồn gốc đất tranh chấp từ ngày xưa bố mẹ ông khai phá và sử dụng, đến năm 2000 thì bố ông đã chia mảnh đất này cho ông (bố ông là ông Hà Xuân Tiệu đã chết). Vị trí đất nằm ở Bãi Soi cầu Nà Mao tại thửa số 18, tờ bản đồ số 47 Bản đồ địa chính xã A1, giáp danh với đất của ông Trịnh Bưu LQ3 tại xóm B2, xã A1, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay có giấy tờ gì chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định. Do địa hình đất nằm ở vùng trũng hay bị ngập nước nên năm 2007 ông đã đổ đất tôn cao lên để cải tạo trồng cây ăn quả. Đến ngày 03/5/2017 ông được UBND xã A1 thông báo về việc ông BĐ nói rằng gia đình ông lấn chiếm đất của ông BĐ, tuy đã được hòa giải nhưng không thành. Việc mua bán đất của ông Chính và ông BĐ ông không được biết. Năm 2017 khi tiến hành đo đạc và tổng kiểm kê đất đai chuẩn bị cho đợt xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có sự chứng kiến và ký giáp danh của gia đình ông nên ông không công nhận bản đồ này. Sau buổi xác minh, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 28/4/2023 thì xác định diện tích đất tranh chấp là 83,8 m^2, phần đất này là của vợ chồng ông, không liên quan gì đến các thành viên trong hộ gia đình của ông. Do đó, ông đề nghị Tòa án giải quyết xác định diện tích đất đang tranh chấp này là của ông, không phải của ông BĐ, để ông tiếp tục quản lý và sử dụng.

**** Bị đơn ông Trịnh Thanh BĐ trình bày:***

Ông bị ông Hà Quốc NĐ, địa chỉ: xóm B1, xã A1, huyện V, tỉnh Thái Nguyên khởi kiện Tranh chấp quyền sử đụng đất.Về nguồn gốc đất đang tranh chấp từ năm 2005 ông có mua lại mảnh đất giáp ranh với đất nhà ông NĐ của nhà ông Trịnh Bưu LQ3, sau đó ông đã đổ đất và làm dựng quán trên mảnh đất này, năm 2017 mới viết giấy mua bán để làm thủ tục cấp giấy. Đến năm 2017 ông NĐ đổ thêm đất thì mới làm mất ranh giới đất với đất của ông nên từ đó có xảy ra tranh chấp. Sau đó ông có làm đơn lên xóm, xã, việc tranh chấp đã được hòa giải nhưng không thành. Diện tích đất này ông Chính chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, từ khi ông mua lại của ông Chính đến nay cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông NĐ đề nghị Tòa án xác định diện tích đất đang tranh chấp 83,8 m^2 là của ông NĐ, ông đồng ý trả lại cho ông NĐ 29,2m^2, phần diện tích 5,3m^2 của UBND xã ông không có ý kiến, đề nghị gì, còn diện tích 49,3m^2 là của ông, ông không đồng ý trả cho ông NĐ. Phần đất 49,3m^2 này là của riêng ông, không có liên quan gì đến các thành viên trong hộ gia đình của ông.

**** Tại bản tự khai ngày 03/01/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà***

Lâm Thị LQ1 trình bày: Gia đình bà có mảnh đất canh tác đã lâu năm nằm ở khu vực Bãi Soi cầu Nà Mao tại thửa số 18, tờ bản đồ số 47 giáp danh với đất của ông Trịnh Bưu LQ3 hộ khẩu thường trú tại xóm B2, xã A1, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng bà được bố mẹ chia cho để canh tác, do đất nằm ở vùng trũng thường xuyên bị ngập nước nên gia đình bà đã đổ đất tôn lên cao để cải tạo trồng cây ăn quả phát triển kinh tế. Khi chia danh giới có mặt chồng bà là ông Hà Quốc NĐ, ông Chính và ông Hà Giang Nam thường trú tại xóm B1, xã A1, huyện V, nhưng lúc đó vì hai bên tin tưởng lẫn nhau nên không làm giấy tờ mà chỉ thỏa thuận bằng miệng với nhau. Đến năm 2017 ở xã có đợt tổng kiểm kê đất đai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà mới phát hiện ông Trịnh Thanh BĐ đã đưa cán bộ địa chính đi vẽ bản đồ giáp danh mà không có mặt của gia đình bà. Đến ngày 03/5/2017 chồng bà nhận được thông báo của UBND xã là UBND xã đã nhận được đơn của ông Trịnh Thanh BĐ nói rằng gia đình bà đã lấn chiếm khu đất giáp danh và mời chồng bà lên làm việc. Gia đình bà rất bức xúc và không đồng ý với bản đồ này vì gia đình bà không ai được ký giáp danh và khi vẽ bản đồ gia đình bà không ai có mặt. Các dấu mốc hai bên đã thỏa thuận giữa gia đình bà và ông Chính hiện nay vẫn còn và diện tích đất của gia dình bà ước tính khoảng 400m^2. Bà khẳng định ông Trịnh Thanh BĐ đã lấn chiếm sang phần đất của vợ chồng bà.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã A1 – Đại diện theo ủy quyền ông Triệu Anh T1 trình bày:*** Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện V xác định tổng diện tích đất tranh chấp là 83,8m^2, trong đó có 5,3m^2 nằm ở Thửa số 167 Tờ số 27 Bản đồ địa chính xã A1. Theo hồ sơ địa chính thửa đất 167 chủ sử dụng đất là UBND xã A1. Quan điểm của UBND xã đối với phần đất này vẫn do UBND xã quản lý, không thể giao cho ai.

Đối với bản đồ địa chính của xã A1 được thiết lập theo đúng trình tự, thủ tục và được phê duyệt theo đúng thẩm quyền. Do vậy, hoàn toàn có giá trị pháp lý, là cơ sở để nhà nước thực hiện việc quản lý về đất đai. Trường hợp không có tranh chấp, ông NĐ và ông BĐ đủ điều kiện để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSD đất đối với các thửa đất 17, 18 trên.

**** Theo biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Bưu LQ3 trình bày:*** Ông là cậu ruột của ông Trịnh Thanh BĐ, ông không có mâu thuẫn gì với ông BĐ và ông NĐ. Năm 2006 ông Trịnh Thanh BĐ có mua của ông một mảnh đất, hiện nay có một phần đang tranh chấp với ông NĐ. Về giấy tờ liên quan đến phần đất bán cho ông BĐ, tại thời điểm bán ông không có bất kỳ giấy tờ gì về quyền sử dụng đất, không có bìa đỏ hay bìa hồng. Về danh giới hiện tại ông không thể xác định được vì hiện trạng đã thay đổi do các bên đã đổ đất san mặt bằng. Về việc tham gia tố tụng, ông đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng, không triệu tập ông nữa.

* Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Bưu LQ3, tuy nhiên ông Chính đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng, không triệu tập ông nữa, nên Hội đồng xét xử vẫn giải quyết vụ án theo quy định.

*** Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án cụ thể:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hà Quốc NĐ, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đối với diện tích 29,2 m^2 đất đang tranh chấp.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Quốc NĐ, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đối với diện tích 54,5 m^2 đất đang tranh chấp. Trong đó 49,3m^2 nằm trong thửa số 17 tờ số 74 Bản đồ địa chính xã A1 tên chủ sử dụng đất ông Trịnh Thanh BĐ và 5,3m^2 đất nằm trong thửa số 167 tờ 27 Bản đồ địa chính xã A1, huyện V tên chủ sử dụng đất UBND xã A1.

- Xác định quyền sử dụng của ông Hà Quốc NĐ đối với 29,2m^2, diện tích này nằm trong thửa số 18 tờ số 74 Bản đồ địa chính xã A1, huyện V có tổng diện tích 196m^2. Trên đất có 04 cấy Chuối ông NĐ mới trồng.

Ông NĐ có trách nhiệm thực hiện các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

- Về án phí và chi phí tố tụng: Xử lý án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện ông Hà Quốc NĐ khởi kiện ông Trịnh Thanh BĐ vì cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp mình bị xâm phạm, yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Trịnh Thanh BĐ. Căn cứ yêu cầu khởi kiện Tòa án thụ lý giải quyết vụ án với quan hệ giải quyết là tranh chấp quyền sửu dụng đất.

Về tư cách tố tụng: Ông Hà Quốc NĐ là nguyên đơn, ông Trịnh Thanh BĐ là bị đơn.

Theo lời trình bày của ông Hà Quốc NĐ thì phần đất đang tranh chấp là của gia đình ông. Tòa án tiến hành xác minh xác định hộ gia đình ông Hà Quốc NĐ có 05 thành viên trưởng thành, gồm: ông Hà Quốc NĐ, bà Lâm Thị LQ1, chị Hà Thị Thanh Điệp, anh Hà Khánh Hùng, chị Hà Thị Quế. Quá trình triệu tập chị Điệp, anh Hùng và chị Quế đều có ý kiến không có liên quan gì đến phần đất đang tranh chấp, đề nghị Tòa án không triệu tập và đưa vào tham gia tố tụng.

Hộ gia đình ông Trịnh Thanh BĐ có 03 thành viên trưởng thành gồm: bà Trịnh Thị Thế, ông Trịnh Thanh BĐ và bà Nông Thị Bích Ngọc. Bà Thế, bà Ngọc xác định không có liên quan gì và từ chối tham gia tố tụng.

Xác định phần đất đang tranh chấp có một phần diện tích do UBND xã A1 quản lý. Ông Trịnh Bưu LQ3 là người bán đất cho ông Trịnh Thanh BĐ, có làm giấy tờ viết tay với nhau.

Ông Triệu Anh T1, ông Hà Giang Nam là người làm chứng theo yêu cầu của ông NĐ. Theo Bản tự khai của ông Trịnh Thanh BĐ xác định ông Trịnh Việt Hoan là hộ có đất giáp danh, ông Hoàng Mạnh Quyết ký xác nhận Hợp đồng mua bán, xác nhận đơn đề nghị giải quyết và chủ tọa hòa giải ở xóm với tư cách là Trưởng xóm. Tuy nhiên Tòa án lấy lời khai của những người này, đều không xác định được danh giới đất giữa hai bên đương sự, không biết gì về phần đất đang tranh chấp và từ chối tham gia tố tụng.

Từ những nhận định nêu trên, Tòa án chỉ xác định và đưa bà Lâm Thị LQ1, ông Trịnh Thanh BĐ và UBND xã A1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Xét yêu cầu của người khởi kiện ông Hà Quốc NĐ, yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đối với phần đất đang tranh chấp. Buộc ông BĐ trả lại phần đất đang tranh chấp để ông quản lý sử dụng.

Về giấy tờ pháp lý đối với quyền sử dụng đất: Ông Hà Quốc NĐ và ông Trịnh Thanh BĐ đều chưa có bất kỳ giấy tờ nào về quyền sử dụng đất.

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định ngày 28/4/2023 xác định tổng diện tích đất tranh chấp 83,8m^2 nằm trên thửa số 17, 18 tờ số 74 và thửa số 167 tờ số 27 Bản đồ địa chính xã A1. Diện tích và tài sản trên đất cụ thể:

- Nằm ở thửa số 17 diện tích 49,3m^2.

- Nằm ở thửa số 18 diện tích 29,2m^2, trên đất có 04 cây Chuối do ông NĐ mới trồng.

- Nằm ở thửa số 167 diện tích 5,3m^2.

Cùng ngày đã tiến hành định giá đất và tài sản trên đất đang tranh chấp. Kết quả cụ thể:

* Đất có trị giá 83,8m^2 x 44.000 đồng/01m^2 = 3.687.200 đồng.

* Cây trên đất có trị giá 04 cây Chuối x 12.000 đồng/01 cấy = 48.000 đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 3.735.200 đồng.

Căn cứ biên bản xác minh tại UBND xã A1 xác định theo hồ sơ địa chính lưu trữ ở xã Thửa số 17 tên chủ sử dụng đất là ông Trịnh Thanh BĐ; Thửa số 18 tên chủ sử dụng đất là ông Hà Quốc NĐ; Thửa số 167 tên sử dụng đất là UBND xã A1.

Về quá trình quản lý sử dụng, UBND xã A1 xác định thửa số 17 do ông Trịnh Thanh BĐ quản lý sử dụng, thửa số 18 và phần diện tích 5,3m^2 nằm ở thửa số 167 do ông Hà Quốc NĐ quản lý, sử dụng.

Ý kiến của UBND xã A1 phần đất diện tích 5,3m^2 do UBND xã quản lý không thể giao cho ai.

Đối với yêu cầu của ông Trịnh Thanh BĐ yêu cầu điều tra, xác minh bằng chứng có liên quan đến thửa đất 357 tờ số 6 Bản đồ giải thửa tháng 11 năm 1972 đến các mốc thời gian còn lại trở về sau. Tòa án đã tiến hành xác minh với UBND xã A1, huyện V kết quả đối chiếu với Bản đồ giải thửa năm 1972, thửa số 357 tờ số 6 không đủ căn cứ để xác định vị trí đất đang tranh chấp nằm cụ thể ở đâu trên bản đồ.

Đối với ý kiến của ông Hà Quốc Vương không công nhận hiệu lực của Bản đồ địa chính. Đại diện UBND xã A1 đã xác định Bản đồ địa chính của xã A1 được thiết lập theo đúng trình tự, thủ tục và được phê duyệt theo đúng thẩm quyền, hoàn toàn có giá trị pháp lý, là cơ sở để nhà nước thực hiện việc quản lý về đất đai.

Đối với thửa 17, 18 tờ số 74 Bản đồ địa chính xã A1, cơ quan quản lý nhà nước về đất đai ở địa phương cũng xác định trường hợp không có tranh chấp, ông NĐ và ông BĐ đủ điều kiện để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSD đất.

Từ những nhận định này, xác định ông NĐ quản lý sử dụng 29,2m^2 trong tổng 83,8m^2 đất đang tranh chấp, phần diện tích 29,2m^2 nằm trong Thửa số 18 tờ số 74 Bản đồ địa chính xã A1, tên chủ sử dụng đất là ông Hà Quốc NĐ. Do vậy, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hà Quốc NĐ.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng.

* Về án phí: Ông NĐ phải chịu án phí đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, tương ứng với giá trị đất 2.402.400 đồng là 300.000 đồng; Ông BĐ phải chịu án phí đối với yêu cầu của ông NĐ được Tòa án chấp nhận, tương ứng với giá trị đất 1.284.800 đồng là 300.000 đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí ông NĐ đã nộp đối với yêu cầu được Tòa án chấp nhận và số tiền tạm ứng còn lại sau khi đã trừ đi số tiền án phí ông NĐ phải chịu.

* Về chi phí tố tụng: Ông NĐ phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận; Ông BĐ phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với yêu cầu của ông NĐ được Tòa án chấp nhận. Ông NĐ đã nộp tạm ứng và chi hết số tiền 13.000.000 đồng. Cụ thể:

- Ông Trịnh Thanh BĐ phải chịu 4.550.000 đồng. Do ông NĐ đã nộp tạm ứng và chi hết, nên phải thu của ông BĐ để trả lại cho ông NĐ.

- Ông Hà Quốc NĐ phải chịu 8.450.000 đồng (đã thu và chi hết).

[4] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147; 157; 158; 165; 166; 244; 266 và 235 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 26; Điều 166 và Điều 203 Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hà Quốc NĐ, yêu cầu Tòa án xác định quyền sử dụng đối với 29,2m^2 đang tranh chấp.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Quốc NĐ, yêu cầu xác định quyền sử dụng đối với diện tích 54,5 m^2 đất đang tranh chấp. Trong đó 49,3m^2 nằm trong thửa số 17 tờ số 74 Bản đồ địa chính xã A1 tên chủ sử dụng đất ông Trịnh Thanh BĐ và 5,3m^2 đất nằm trong thửa số 167 tờ 27 Bản đồ địa chính xã A1, huyện V tên chủ sử dụng đất UBND xã A1.

2. Buộc ông Trịnh Thanh BĐ trả cho ông Hà Quốc NĐ diện tích 29,2m^2 đất nằm trong Thửa số 18 tờ số 74 Bản đồ địa chính xã A1, tên chủ sử dụng đất là ông Hà Quốc NĐ. Trên 29,2m^2 đất có 04 cây Chuối do ông NĐ mới trồng.

Ông Hà Quốc NĐ có trách nhiệm thực hiện các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

(Có sơ đồ đo vẽ kèm theo)

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

***3.1. Về án phí**:*

Ông NĐ phải chịu là 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông NĐ đã nộp theo biên lai số 0005087 ngày 03/01/2023. Hoàn trả cho ông NĐ số tiền 450.000 đồng tạm ứng án phí.

Ông BĐ phải chịu là 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Về chi phí tố tụng:

Ông Trịnh Thanh BĐ phải chịu 4.550.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Thu của ông BĐ trả lại cho ông NĐ.

Ông Hà Quốc NĐ phải chịu 8.450.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản *(đã thu và chi hết).*

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền phải thi hành thì còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về lãi xuất.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.)

5**. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã A1;
- Đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Kim Tuấn